

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 34/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST – DS ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L – sinh năm: 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: thôn CB, xã QPC, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt D – sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

HKTT: thôn Đạo Tú, xã QPC, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đạo Tú, xã QPC, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

(Anh D đại diện theo ủy quyền của chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn Chị Đỗ Thị L trình bày:

- Ngày 16/5/2018, chị có bán cho anh Nguyễn Việt D, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T 10780 kg tấm thô với giá 15.900 đồng/kg. Tổng số tiền là 171.402.000

đồng và anh D có ký sổ của chị về số lượng hàng và giá. Việc mua bán tấm thô giữa chị và anh D đều không có hợp đồng mua bán nhưng chị có ghi vào sổ theo dõi của chị và anh D ký xác nhận.

- Anh D đã chở hết hàng về và hẹn đúng ngày 26/5/2018 sẽ thanh toán hết số tiền cho chị kể cả khi chưa làm xong tấm, chưa bán được thì cũng vẫn sẽ thanh toán hết tiền hàng cho chị 1 lần. Nhưng đến hẹn anh D không thanh toán cho chị như đã hứa, chị có đến hỏi nhưng anh D không trả mà vẫn khát nợ.

- Khoảng 1 tháng sau, có anh Khoa ở Phú Xuyên muốn lấy hàng nên chị có nói với anh D để anh Khoa lấy ít hàng trừ nợ với anh D. Anh D đồng ý và anh Khoa có đến nhà anh D chở 2.710kg tấm thô với giá 15.900đồng/kg; tổng số tiền hàng là 43.089.000 đồng. Như vậy, anh D còn nợ chị số hàng là 8070 kg tương ứng với số tiền là 128.313.000 đồng. Do chị đòi nhiều nên vợ chồng anh D có thanh toán trả chị được 20.000.000 đồng nên số tiền anh D còn nợ chị là 108.313.000 đồng và vợ chồng anh D hẹn mấy hôm sau sẽ trả nốt số tiền còn lại.

- Nhưng vợ chồng anh D không giữ đúng lời hứa nên vợ chồng chị có đến đòi nhiều lần, anh D lại hẹn 20/12/2020 âm lịch hẹn sẽ trả 20.000.000 đồng và sau ngày 20/12/2020 vợ chồng anh sẽ mỗi tháng trả từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng đến hẹn anh D vẫn không trả cho chị đồng nào. Quá trình làm ăn kinh tế gia đình chị cũng gặp nhiều khó khăn nên có hỏi vợ chồng anh D nhiều lần thì đến ngày 30/01/2022 tức 30/12/2021 âm lịch anh D có chuyển khoản trả chị 3.000.000 đồng và từ đó đến nay cũng chưa trả thêm cho chị được đồng nào.

- Tính đến nay, anh D còn nợ chị số tiền là 105.313.000 đồng tiền mua tấm thô từ năm 2018 nhưng luôn khát lần, không trả nợ cho chị dù chị có nhiều lần xuống đòi.

- Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị nên chị có làm đơn khởi kiện anh D ra Tòa. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh D phải trả nợ cho chị số tiền hàng vẫn còn nợ là 105.313.000 đồng và tiền lãi từ thời điểm nợ ngày 26/5/2018 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật. Chị đồng ý những lần anh D chị T thanh toán trả nợ được trừ vào nợ gốc.

- **Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải: Bị đơn anh Nguyễn Việt D trình bày:** Năm 2018, anh có mua tấm thô của nhà chị Đỗ Thị L với số lượng là 10 tấn 7 tạ với giá là 15.900 đồng/kg; tổng số tiền hàng là 171.402.000 đồng và hẹn 10 ngày sau sẽ thanh toán trả chị L toàn bộ số tiền hàng trên. Việc mua bán không có hợp đồng nhưng có ký nhận vào sổ ghi chép của chị L. Tuy nhiên, đến hẹn 10 ngày do chưa bán được hàng nên chưa có tiền để trả chị L như đã hẹn. Do vẫn còn hàng và chưa trả được tiền nên khoảng 01 tháng sau, chị L có lấy lại 02 tấn 710kg tấm thô để bán cho anh Khoa ở Phú Xuyên với giá 15.900 đồng/ kg tương ứng với số tiền là 43.089.000 đồng. Đồi trừ đi anh còn nợ

chị L số tiền là 128.313.000 đồng. Sau khoảng 01 tuần thì vợ chồng anh có thanh toán trả chị L được thêm 20.000.000 đồng; như vậy, số tiền mà anh còn nợ lại chị L là 108.313.000 đồng. Năm 2020, do anh bị tai nạn nên kinh tế gặp nhiều khó khăn xong lại dịch bệnh phức tạp nên gia đình anh gặp khó khăn về kinh tế và không có khả năng trả nợ. Đến đầu ngày 30/01/2022, vợ chồng anh cũng cố gắng thu xếp trả thêm chị L được 3.000.000 đồng. Hiện tại, anh còn nợ chị L số tiền là 105.313.000 đồng. Quan điểm của anh xin khát nợ đến hết năm 2022, sang năm 2023 xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- **Tại tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T:** Chị có biết việc anh D là chồng chị mua tấm thô của chị L là 10.780 kg với giá 15.900 đồng/kg. Anh D đã chở hết số tấm này và hẹn 10 ngày sau sẽ trả hết số tiền hàng là 171.402.000 đồng. Nhưng sau đó, do không bán được tấm nên không có tiền trả cho chị L như đã hứa. Do không trả được tiền nên chị L có lấy lại 2.710kg tấm để lại cho anh Khoa là người Phú Xuyên nên số tiền hàng anh D còn nợ lại chị L là 128.313.000 đồng tương đương với 8070kg tấm giá 15.900 đồng/kg. Sau đó, anh D có thanh toán được cho chị L được 20.000.000 đồng vì xác định có nợ thì phải trả. Đến năm 2020, không may chồng chị bị tai nạn nên kinh tế gia đình lại càng khó khăn, lương của chị thì thấp, chỉ đủ để trang trải cuộc sống và lo thuốc thang cho anh D nên không có khả năng trả nợ. Đến tết năm 2022 vợ chồng cố gắng trả thêm được cho chị L 3.000.000 đồng. Tính đến nay, anh chị còn nợ chị L tổng số tiền là 105.313.000 đồng. Quan điểm của chị: do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, lương chị thấp nên mong được khát nợ hết năm nay. Sang năm 2023, sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị xin toàn bộ lãi phát sinh từ khi nợ cho đến khi trả xong. Do công việc bận nên chị ủy quyền cho anh D thay mặt chị tham gia, quyết định, định đoạt mọi vấn đề liên quan đến chị trong vụ án cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày có trong hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn là anh Nguyễn Việt D và vợ là Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho chị số tiền gốc là 105.313.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 26/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có L do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội có quan điểm về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Việt D, chị Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán trả cho chị Đỗ Thị L số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Anh D, chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với tranh chấp nêu trên, chị Đỗ Thị L khởi kiện anh Nguyễn Việt D có HKTT: thôn Đạo Tú, xã QPC, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội đòi số tiền hàng gốc là 105.313.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật phát sinh từ ngày 26/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Mở phiên toàn lần này, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có L do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

- **Xét yêu cầu của nguyên đơn:** ngày 15/6/2018, chị L có bán cho anh D 10780 kg tấm thô với giá 15.900 đồng/kg tương ứng với tổng số tiền là 171.402.000 đồng và anh D có hẹn ngày 26/5/2018, sẽ thanh toán trả chị L hết số tiền hàng trên. Nhưng đến hẹn ngày 26/5/2018, anh D không thanh toán trả chị đồng nào như đã hứa và khát nợ. Khoảng 1 tháng sau, do anh D không trả được tiền hàng nên chị có lấy lại 2710 kg tấm thô bán cho anh Khoa ở Phú Xuyên với giá 15.900 đồng/kg. Tổng số tiền hàng anh Khoa lấy là 43.089.000 đồng. Như vậy, anh D còn nợ chị số tiền hàng là 128.313.000 đồng và anh D trả chị 20.000.000 đồng nên số tiền anh D còn nợ chị là 108.313.000 đồng. Đến tháng 30/01/2022, anh D trả thêm chị được 3.000.000 đồng nên số tiền hàng còn lại anh D nợ chị là 105.313.000 đồng. Nay để đảm bảo quyền lợi của chị L, chị có khởi kiện anh D ra Tòa yêu cầu anh D phải trả chị số tiền gốc còn lại là 105.313.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 26/5/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: việc mua bán tấm thô giữa chị L và anh D tuy không có hợp đồng mua bán nhưng việc mua bán đã diễn ra, anh D đã lấy

hàng và ký vào sổ ghi chép của chị L và hẹn trả tiền. Quá trình làm việc tại Tòa án, các bên đều thừa nhận có sự việc và lời khai phù hợp với nhau. Do đó, việc chị L khởi kiện đòi tiền hàng đối với anh D số tiền hàng là 105.313.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 26/5/2018 là có căn cứ và cần được chấp nhận để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, quá trình làm việc tại Tòa án, chị T trình bày: chị có biết việc anh D mua tấm thô của nhà chị L. Tuy nhiên, chị và anh D mỗi người một công việc khác nhau, chị không liên quan đến hoạt động kinh doanh của chồng. Do đó, anh D hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc nợ chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T có biết việc mua bán tấm thô giữa chồng chị và chị L; chị cũng biết việc chồng chị nợ tiền hàng của chị L với số tiền như các bên đã trình bày. Trong thời gian, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng thì chị T cũng cùng anh D xin khất nợ chị L và cũng đã cùng anh D lo toan khoản nợ để thanh toán trả chị L hai lần: một lần: 20.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng. Hơn nữa, khoản nợ này phát sinh từ hoạt động kinh doanh của anh D mà hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, theo quy định tại Điều 27; 37; 45; 60 Luật Hôn nhân và gia đình anh D và chị T đều phải có trách nhiệm đối với khoản nợ nêu trên.

- **Xét về lãi suất:** Quá trình mua bán diễn ra, giữa chị L và anh D không có thỏa thuận gì về lãi suất khi chậm trả tiền hàng. Nay chị L yêu cầu tính lãi suất đối với khoản nợ của anh D từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/5/2018. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 16/5/2018, Chị L bán tấm thô cho anh D và hai bên có hẹn nhau ngày 26/5/2018, anh D phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho chị L. Tuy nhiên, đến ngày 26/5/2018 anh D không thanh toán tiền hàng cho chị L như đã hẹn. Do đó, anh D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, anh D phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm. Chị L đồng ý những lần anh D thanh toán được trừ vào tiền gốc. Do đó, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 26/5/2018 đến ngày 26/6/2018 là tiền gốc là 171.402.000 đồng, lãi suất là 10%/năm tương ứng với tiền lãi là: $171.402.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1 \text{ tháng} = 1.428.293 \text{ đồng};$

Từ ngày 27/6/2018 đến ngày 30/01/2022: là 43 tháng 3 ngày với số tiền gốc là: 108.313.000 đồng, lãi suất là: 10%/năm tương ứng với số tiền là:

- $108.313.000 \text{ đồng} \times (10\%/\text{năm} : 12 \text{ tháng}) \times 43 \text{ tháng} = 38.796.634 \text{ đồng};$

- $108.313.000 \text{ đồng} \times (10\%/năm : 12 \text{ tháng}) : 30 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày} = 90.983 \text{ đồng}$

Từ ngày 01/02/2022 đến 30/9/2022 là 08 tháng: Tiền gốc là 105.313.000 đồng, lãi suất là 10%/năm tương ứng với tiền lãi là $105.313.000 \text{ đồng} \times (10\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 8 \text{ tháng} = 7.018.058 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi đến hết ngày 30/9/2022 là 1.428.293 đồng + 38.796.634 đồng + 90.983 đồng + 7.018.058 đồng = 54.352.026 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2022 anh D, chị T tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Nguyễn Việt D, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: $(105.313.000 \text{ đồng} + 54.352.026 \text{ đồng}) \times 5\% = 7.983.251 \text{ đồng}$ (Bảy triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi một đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; 146; 147; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357; 430; 440; 466; 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27; 37; 45; 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L;

1. Buộc anh Nguyễn Việt D và chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả lại cho Chị Đỗ Thị L số tiền gốc là 105.313.000 đồng (Một trăm linh năm triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 54.352.026 đồng (Năm mươi tư triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng). Tổng là 159.665.026 (Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 01/10/2022, anh Nguyễn Việt D và chị Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468; Điều 466 Bộ luật Dân sự trên dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6;7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Việt D, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.983.251 đồng (Bảy triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi một đồng)

- Hoàn trả chị Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí là 2.632.825 đồng (Hai triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng; theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057568 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA